

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 373/2021/DS-PT
Ngày: 19-4-2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Phượng

Các Thẩm phán:

1. Ông Uông Hoài Nam

2. Ông Trần Quang Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc Sương - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:*** Ông Phạm Hoàng Lâm – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 3 và ngày 19 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa
án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý
số 512/2020/TLPT-DS ngày 28 tháng 10 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 299/2020/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2020
của Tòa án nhân dân Quận G bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 949/2021/QĐ-PT ngày
08 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2878/2021/QĐ-PT ngày
29 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: 35/6 đường x, Phường c, Quận a, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện ủy quyền: Ông Huỳnh Phi L, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: 605 đường y, Phường d, Quận b, Thành phố Hồ Chí Minh

(Văn bản ủy quyền số công chứng 005905, quyền số 03/TP/CC-
SCC/HĐGD ngày 19/09/2020 tại Văn phòng công chứng Chợ Lớn, Thành phố
Hồ Chí Minh).

- Bị đơn: Ông Trần Thành C, sinh năm 1973 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 12/7A đường m, Phường n, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Trần Văn C – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Phương N, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: 35/6 Tân Hóa, Phường n, Quận a, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Ngô Thị H, sinh năm 1954 (vắng mặt).

Địa chỉ: 31 đường Q, khu phố z, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án sơ thẩm do bị đơn kháng cáo.

NHẬN THẤY

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn Bà Trần Thị T trình bày: Do quen biết nên bà T có cho Ông Trần Thành C vay tiền nhiều lần, vào ngày 31/12/2014 ông C vay số tiền là 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng) có ký hợp đồng tại Phòng công chứng, ông C cam kết sẽ trả cho bà T số tiền trên thành hai đợt. Đợt một trả 400.000.000 đồng vào ngày 14/02/2015 và đợt hai trả 1.600.000.000 đồng vào ngày 29/4/2015. Sau đó, hai bên có làm lại phụ lục hợp đồng, ông C xin chia thành 7 đợt để trả nợ, bắt đầu từ ngày 14/02/2015 và đợt cuối cùng là ngày 29/9/2015. Tuy nhiên, ông C đã không thực hiện đúng cam kết, hứa hẹn nhiều lần nhưng vẫn không thực hiện. Nay bà T khởi kiện yêu cầu buộc ông C phải trả lại cho bà số tiền trên ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu bà Nga vợ ông C phải có trách nhiệm liên đới trả nợ.

Bị đơn Ông Trần Thành C trình bày: Ông C xác nhận có nợ tiền của bà T, nhưng không phải là 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng). Số tiền 2.000.000.000 đồng bao gồm cả tiền chuyển nợ từ Bà Ngô Thị H sang cho bà T được thể hiện tại Giấy xác nhận nợ và chuyển giao công nợ ký ngày 31/12/2014 giữa ông C với Bà Ngô Thị H. Ông C yêu cầu đưa bà H vào tham gia vụ án để làm rõ khoản tiền ông C còn nợ bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Phạm Phương N trình bày: Vợ ông là Bà Trần Thị T có cho Ông Trần Thành C vay số tiền 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng) để làm đảo hạn ngân hàng. Ông C hứa hẹn nhiều lần nhưng không trả. Nay ông yêu cầu Tòa án buộc ông C phải có trách nhiệm trả lại cho vợ chồng ông số tiền trên, không yêu cầu vợ ông C phải có trách nhiệm liên đới trả nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Ngô Thị H vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa.

Tại Bản án sơ thẩm số 299/2020/DS-ST ngày 21/9/2020, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Trần Thị T đối với bị đơn Ông Trần Thành C.

Buộc Ông Trần Thành C có trách nhiệm trả cho Bà Trần Thị T và Ông Phạm Phương N số tiền 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng) sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 01/10/2020, Ông Trần Thành C nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện ủy quyền của nguyên đơn là Ông Huỳnh Phi L vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn Ông Trần Thành C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đồng thời giữ nguyên yêu cầu kháng cáo hủy bản án sơ thẩm.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn - Luật sư Trần Văn C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Phạm Phương N vẫn giữ yêu cầu, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý phúc thẩm và xét xử vụ án. Về phía các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự, yêu cầu kháng cáo của Ông Trần Thành C không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của Ông Trần Thành C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Đơn yêu cầu kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật định nên hợp lệ.

Bị đơn Ông Trần Thành C và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là Luật sư Trần Văn C có đơn xin vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Ngô Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng

dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Ông Trần Thành C, Luật sư Trần Văn C và Bà Ngô Thị H.

Theo Hợp đồng vay tiền ngày 31/12/2014, người vay tiền là Ông Trần Thành C, ông C cam kết số tiền vay này là khoản vay riêng, không liên quan đến vợ ông C. Nguyên đơn bà T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông N không yêu cầu vợ ông C phải có trách nhiệm liên đới cùng trả nợ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa vợ ông C vào tham gia tố tụng là đúng pháp luật.

Về nội dung: Bị đơn Ông Trần Thành C trình bày yêu cầu kháng cáo hủy bản án sơ thẩm với các lý do: Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét một cách khách quan các tài liệu chứng cứ về chứng từ chuyển giao công nợ lập ngày 31/12/2014 để làm rõ số nợ mà ông còn nợ bà T, không triệu tập đầy đủ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng tham gia tố tụng. Đề nghị cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm số 299/2020/DS-ST ngày 21/9/2020.

Xét kháng cáo của Ông Trần Thành C, Hội đồng xét xử có nhận định như sau:

Xét Hợp đồng vay tiền ngày 31/12/2014 giữa Bà Trần Thị T và Ông Trần Thành C, được Phòng công chứng số 4, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận, Phụ lục hợp đồng đề ngày 31/12/2014, Giấy hẹn trả nợ ngày 28/6/2017, cho thấy ông C có vay bà T số tiền 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng) và tại thỏa thuận ngày 28/6/2017 về thời hạn trả nợ vào ngày 15/7/2017, đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, lãi suất theo thỏa thuận, phía bị đơn cũng chưa thanh toán khoản tiền này cho nguyên đơn. Như vậy, ông C còn nợ bà T số tiền 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng) là đúng, bà T khởi kiện yêu cầu ông C phải có trách nhiệm trả lại số tiền 2.000.000.000 đồng là có cơ sở. Xét lời trình bày của ông C, xác nhận có nợ tiền của bà T nhưng không phải là số tiền nợ 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng), nhưng ông C không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày này. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc Ông Trần Thành C có trách nhiệm trả cho Bà Trần Thị T và Ông Phạm Phương N số tiền 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng) sau khi án có hiệu lực pháp luật là đúng quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu của ông C cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét chứng cứ là “Giấy xác nhận nợ và chuyển giao công nợ” ký ngày 31/12/2014 do ông C cung cấp và yêu cầu mời Bà Ngô Thị H tham gia vào vụ kiện để đối chiếu số nợ. Hội đồng xét xử thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây chỉ là thỏa thuận giữa ông C và bà H, nội dung văn bản không có chữ ký xác nhận của bà T, đồng thời phía bà T xác nhận không biết về thỏa thuận này nên không có cơ sở xem xét là đúng quy định tại Điều 315 Bộ luật dân sự năm 2005. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã triệu tập Bà Ngô Thị H tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ mà ông C cung cấp để làm rõ lời trình bày của ông C, nhưng bà H không đến Tòa án theo giấy triệu tập, nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt bà H là đúng quy định pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bà H không đến Tòa án theo giấy triệu tập mặc dù đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà H nhiều lần, nên không có cơ sở xem xét lời trình bày của

ông C. Vậy, trường hợp nếu có tranh chấp, ông C và bà H có quyền khởi kiện trong vụ án khác theo quy định pháp luật.

Xét yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Phạm Phương N về việc yêu cầu ông C phải trả cho vợ chồng ông số tiền đã vay, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà T và ông N đều xác nhận số tiền cho ông C vay là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng ông bà. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông N, buộc ông C phải có trách nhiệm trả số tiền đã vay cho bà T và ông N là đúng quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên, nhận thấy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Trần Thành Công, nghĩ cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Những nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Về án phí phúc thẩm: do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo phải nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Luật Tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474, Điều 315 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Ông Trần Thành C, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 299/2020/DS-ST ngày 21/9/2020 của Tòa án nhân dân quận G:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Trần Thị T:

Buộc Ông Trần Thành C có trách nhiệm trả cho Bà Trần Thị T và Ông Phạm Phương N số tiền 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng) sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Thành C phải chịu 72.000.000đ (bảy mươi hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Thị T không phải chịu án phí, được hoàn lại số tiền 36.000.000đ (ba mươi sáu triệu đồng) án phí tạm nộp theo biên lai số 0000045 ngày 25/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Thành C phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm Ông Trần Thành C đã nộp theo Biên lai số AA/2019/0027063 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trần Thành C đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Tòa án nhân dân quận G;
- Chi cục THADS quận G;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Phụng